

Bản án số: **23/2017/HNGĐ-PT**
Ngày: 15 - 12 - 2017
*V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con và chia tài sản chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Huyền
Các Thẩm phán: Ông Ngô Đình Bảy
Ông Bùi Xuân Liêm

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quan Rin - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam, xét xử phúc thẩm công KH vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 28/2017/TLPT-HNGĐ ngày 30/10/2017 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản chung”*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 294/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2017 của Toà án nhân dân thị xã Điện Bàn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 31/2017/QĐXX-PT ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962.
- **Bị đơn:** Ông Lê Hữu H, sinh năm 1969;
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Thân Thị Y, sinh năm: 1937.

Cùng địa chỉ: Khối C, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q.

(Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Bà Hoàng Thị L và ông Lê Hữu H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29 tháng 8 năm 2008 tại UBND phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q. Bà L và ông H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng và được sự đồng ý của H bên gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có một con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Lê Hữu H ngoại tình với người phụ nữ khác, bà L đã cố gắng thuyết phục nhiều lần nhưng ông H không thay đổi, ông H chửi mắng bà L liên tục và đuổi mẹ con bà L ra khỏi nhà. Mẹ con bà L phải tá túc ở nhà hàng xóm từ tháng 02 năm 2017 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, cuộc sống chung không còn tồn tại nên bà Hoàng Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau: Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án cho bà L được ly hôn với ông Lê Hữu H; Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004. Hiện nay cháu Đồng đang sống với bà L. Nếu ly hôn bà Hoàng Thị L có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu ông Lê Hữu H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000 đồng; Về tài sản chung: Vợ chồng bà có những tài sản chung gồm 01 cái sân xi măng, ngôi nhà ba gian có chái tôn, 01 công trình vệ sinh xây dựng trên diện tích đất của bà Thân Thị Yên tại khối C, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q (là mẹ chồng của bà L). Qua định giá ngày 13/7/2017, Hội đồng định giá đã định giá giá trị tài sản trên là 85.518.000 đồng, bà L hoàn toàn thống nhất với giá trị tài sản qua định giá, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung theo pháp luật, chia đôi giá trị tài sản cho bà L và ông Lê Hữu H; Về nợ chung không có.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Hữu H trình bày:

Về thời gian đăng ký kết hôn và địa điểm đăng ký kết hôn như lời trình bày của bà L là đúng. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được sự đồng ý của H bên gia đình. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có một con chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà L bỏ bê con cái, không chăm lo việc nhà, không nghĩ đến gia đình, đối xử với mẹ ông H thậm tệ, xung hô với mẹ ông H là con này con kia cho nên ông H chán nản. Nay bà Hoàng Thị L yêu cầu ly hôn thì ông Lê Hữu H cũng thuận tình ly hôn; Về con chung: Có 01 con chung, Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004. Hiện nay con Lê Viết Đ2 đang sống với bà L. Nếu ly hôn ông Lê Hữu H đồng ý giao con cho bà L trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Lê Hữu H thống nhất cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng; Về tài sản chung vợ chồng không có. Ngôi nhà mà bà Hoàng Thị L khai là của mẹ ruột ông Lê Hữu H không phải là tài sản chung của vợ chồng ông. Toàn bộ tài sản bà L khai gồm cái sân, ngôi nhà ba gian có chái tôn xây dựng trên diện tích đất của mẹ ông H là tài sản riêng của mẹ ông H, bà Y mẹ của ông H đã tự bỏ tiền ra xây dựng, vợ chồng ông H chỉ đóng góp công sức, xây dựng ngôi nhà là do mẹ ông H bỏ tiền ra xây, không có tiền của vợ chồng ông H. Riêng công trình vệ sinh là do vợ chồng ông H xây dựng trên đất của mẹ ông H là bà Thân Thị Yên. Ông Lê Hữu H không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung là một ngôi nhà và sân xi măng. Về nợ chung không có

Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bà Thân Thị Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và quan hệ con chung giữa ông H và bà L bà Thân Thị Y không có ý kiến.

Về yêu cầu của bà Hoàng Thị L yêu cầu chia tài sản chung gồm cái sân, ngôi nhà ba gian có chái tôn, công trình vệ sinh thì bà Yên không đồng ý vì cái sân và ngôi nhà ba gian đó là tài sản của bà Y. Bà Y tự bỏ tiền ra đưa cho con trai là Lê Hữu H gọi thợ đến làm, nhà là do bà Yên tự xây dựng nên, ông H và bà L chỉ đóng góp công. Riêng công trình vệ sinh thì vợ chồng ông H bà L bỏ tiền ra xây dựng, bà Y không bỏ tiền vào xây dựng công trình vệ sinh. Nay bà Hoàng Thị L yêu cầu chia tài sản chung gồm ngôi nhà 3 gian có chái tôn, một cái sân xi măng thì bà Thân Thị Y không chấp nhận vì đó là tài sản của bà Yên xây dựng trên đất của bà Yên. Riêng công trình vệ sinh của vợ chồng bà L ông H, bà L muốn chia thì bà Yên yêu cầu trả lại đất cho bà.

Với nội dung như trên;

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 294/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 59, 61, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị L và ông Lê Hữu H.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004 cho bà Hoàng Thị L, trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động. Ông Lê Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi Lê Viết Đồng đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Lê Hữu H được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Bà Hoàng Thị L được chia $\frac{1}{3}$ giá trị căn nhà xây, lợp tôn, sân xi măng và $\frac{1}{2}$ giá trị công trình vệ sinh được xây trên đất của bà Thân Thị Y tại khối C, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q với số tiền là: 29.304.166 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm không bốn ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Buộc bà Thân Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L giá trị trong khối tài sản chung của gia đình là: 29.304.166 đồng. (*Hai mươi chín triệu ba trăm không bốn ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2017, bị đơn ông Lê Hữu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Y có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đối với phần quyết định chia tài sản chung sau ly hôn của ông H và bà L. Đề nghị, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán cũng như HĐXX phúc thẩm

đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc chấp hành đúng pháp luật của các đương sự trong vụ án.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hữu H và bà Thân Thị Yên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe người kháng cáo trình bày về nội dung kháng cáo. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam. Sau khi thảo luận và Nghị án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

^[1] Ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn giải quyết vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm giữa bà Hoàng Thị L và ông Lê Hữu H. Ngày 02/10/2017, ông Lê Hữu H và bà Thân Thị Y kháng cáo bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung, kháng cáo của ông H và bà Y trong thời hạn, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

^[2] Về quan hệ hôn nhân và quan hệ nuôi con chung: Bà Hoàng Thị L và ông Lê Hữu H sống chung như vợ chồng từ năm 1998, đến năm 2005 thì bà L và ông H về sống chung với mẹ ông H là bà Thân Thị Y tại nhà bà Y, đến ngày 29/8/2008 mới tiến hành đăng ký kết hôn, hôn nhân giữa bà L và ông H là tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng đã có 01 con chung là cháu Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004. Năm 2016, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, theo bà L là do ông H ngoại tình, đến tháng 02/2017 thì ông H đuổi mẹ con bà L ra khỏi nhà, bà L và con phải đi ở nhờ nhà hàng xóm, thấy tình cảm vợ chồng không còn bà L xin ly hôn, tại Tòa án bà L và ông H thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con chung, giao cháu Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được việc thuận tình ly hôn của H người là tự nguyện nên bản án sơ thẩm đã công nhận thuận tình ly hôn giữa bà L và ông H và công nhận thỏa thuận giao con chung là cháu Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H đóng góp phí tổn nuôi con là phù hợp, đúng pháp luật.

^[3] Xét kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Y về việc không đồng ý tài sản là 01 cái sân xi măng trị giá: 3.005.000 đồng, ngôi nhà ba gian có chái tôn trị giá: 77.724.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng ông H, bà L và bà Y, chỉ thống nhất 01 công trình về sinh xây dựng trên diện tích đất của bà Thân Thị Y trị giá: 4.789.000 đồng là tài sản của ông H và bà L. HĐXX nhận thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Y, bà L, ông H thừa nhận năm 2005, khi bà L về chung sống cùng ông H và bà Y thì căn nhà của bà Y chỉ là nhà lợp ngói, vách bằng tôn, năm 2008 mới sửa chữa, xây dựng lại như hiện nay, phù hợp với lời KH của các nhân chứng bà Phạm Thị T, bà Đinh Thị T2, bà Thân Thị B, ông Lê C1,

bà Thân Thị H, ông Mai Văn D thì trước khi vợ chồng bà L, ông H về chung sống với bà Yên vào năm 2005, ngôi nhà chỉ lợp tôn, che phen sụp xệ. Sau khi chung sống bà L chăm chỉ làm việc dành dụm tiền cùng chồng xây dựng, sửa chữa thành ngôi nhà mới như hiện nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà Y và ông H đều thừa nhận bà L có đóng góp công sức trong quá trình tạo dựng khối tài sản hiện tại có tranh chấp.

Về số tiền bỏ ra xây dựng số tài sản trên, theo lời hai của bà Thân Thị H (Chi Hội trưởng Hội phụ nữ xã Đ từ năm 2005- 2012 kiêm trưởng Ban Lao động, Thương binh xã hội xã Đ và là bà con trong tộc của bà Thân Thị Y) thì vào năm 2008, Đoàn khảo sát của Ủy ban nhân dân huyện Đ1 về khảo sát xây dựng nhà tình nghĩa cho các đối tượng chính sách, trong đó có tên bà Hoàng Thị L, bà Y không có tên trong danh sách này. Ủy ban nhân dân huyện Đ1 đã hỗ trợ cho bà L 10.000.000 đồng và bà L đứng ra vay thêm 20.000.000 đồng để xây dựng lại nhà. Lời khai này phù hợp với lời khai của những người làm chứng bà Phạm Thị T, bà Đinh Thị T1, bà Thân Thị B, ông Lê C1, ông Mai Văn D và phù hợp với lời khai của bà L và chứng cứ do bà L cung cấp về việc bà L được hưởng chế độ, chính sách dành cho con của liệt sỹ. Cũng theo những người làm chứng nêu trên trong đó có ông Mai Văn D (*Là thủ quỹ và giao thông thủy lợi của hợp tác xã Điện Nam Đông từ năm 1978 đến 2016*) thì trước khi bà L ông H về chung sống, bà Yên sống một mình không lo làm ăn, nợ nần không trả được. Bà L là người trực tiếp đi trả số tiền bà Y nợ hợp tác xã 2.000.000 đồng. Bà Y cho rằng bà là người được nhà nước hỗ trợ 10.000.000 đồng để xây nhà nhưng không nêu rõ và không chứng minh thuộc đối tượng chính sách nào. Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa hôm nay bà Y khai rằng chính bà là người đưa tiền cho ông H tìm thợ xây, mua vật liệu, nhưng theo lời KH của ông Lê C1 là người xây dựng nhà và là bà con với ông H thì bà L là người đứng ra lo toan mọi thứ, từ trả tiền công thợ đến vật liệu xây dựng. Từ đó có cơ sở xác định bà L có đóng góp công sức trong quá trình tạo dựng khối tài sản có tranh chấp, phù hợp với lời khai của bà Y và ông H là vợ chồng ông H, bà L có đóng góp công sức trong việc tạo dựng những tài sản là ngôi nhà có mái tôn và sân xi măng. Cấp sơ thẩm đã chia cho bà L 1/3 giá trị các tài sản trên là có căn cứ.

Đối với công trình vệ sinh bà Yên thừa nhận là do vợ chồng ông H, bà L xây dựng bà không có tranh chấp, cấp sơ thẩm chia cho bà L 1/2 giá trị tài sản này là đúng quy định của pháp luật.

Theo biên bản định giá ngày 13/7/2017, Hội đồng định giá đã định giá 01 cái sân xi măng trị giá 3.005.000 đồng; ngôi nhà ba gian có mái tôn trị giá 77.724.000 đồng và 01 công trình vệ sinh trị giá 4.789.000 đồng. xây dựng trên diện tích đất của bà Thân Thị Y tại khối C, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q (*là mẹ chồng của bà L*) Tổng giá trị tài sản trên là 85.518.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chia cho bà L $\frac{1}{3}$ giá trị căn nhà xây, sân xi măng và $\frac{1}{2}$ giá trị công trình vệ sinh số tiền là 29.304.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, tài sản là 01 cái sân xi măng, ngôi nhà ba gian có mái tôn và 01 công trình vệ sinh đều được xây dựng trên diện tích đất của bà Thân Thị Y và là

tài sản không thể tháo dỡ (hoặc tháo dỡ sẽ mất giá trị) nên phải giao cho bà Y sở hữu toàn bộ tài sản trên và có nghĩa vụ bồi trả phần giá trị mà bà L và ông H được chia cho bà L và ông H nhưng bản án sơ thẩm không quyết định giao phần tài sản này cho bà Y sở hữu nhưng lại buộc bà Y bồi trả giá trị cho bà L, cũng như không buộc bà Y bồi trả giá trị tài sản cho ông H đối với tài sản ông H được chia là có sai sót. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông H và bà Y sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung. Giao tài sản là 01 cái sân xi măng trị giá: 3.005.000 đồng, ngôi nhà ba gian có mái tôn trị giá: 77.724.000 đồng và 01 công trình vệ sinh trị giá: 4.789.000 đồng đều xây dựng trên diện tích đất của bà Thân Thị Y cho bà Thân Thị Y được quyền sở hữu. Bà Thân Thị Y có nghĩa vụ bồi trả 2/3 giá trị tài sản là 01 cái sân xi măng trị giá: 3.005.000 đồng, ngôi nhà ba gian có mái tôn trị giá: 77.724.000 đồng cho ông H, bà L và công trình vệ sinh trị giá 4.789.000 đồng cho bà L và ông H, mỗi người 29.304.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Hữu H và bà Thân Thị Y được chia tài sản chung thuộc sở hữu chung của gia đình, nhưng cấp sơ thẩm không buộc ông H và bà Y phải chịu án phí đối với phần tài sản được chia là không đúng theo quy định của Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Nhưng đối với bà Y là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, còn ông Lê Hữu H phải nộp án phí theo quy định, bản án phúc thẩm sẽ sửa phần án phí đối với ông H.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm do cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm nên ông Lê Hữu H và bà Thân Thị Y không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Lê Hữu H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Thân Thị Y.

- Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 294/2017/HNGĐ-ST ngày 21/9/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 59, 61, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 12, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị L và ông Lê Hữu H.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Giao cháu Lê Viết Đ2 – Sinh ngày 03/6/2004 cho bà Hoàng Thị L, trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Ông Lê Hữu H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là cho cháu Lê Viết Đ2, sinh ngày 03/6/2004 mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2017 cho đến khi Lê Viết Đ2 thành niên (*đủ 18 tuổi*).

- Ông Lê Hữu H được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung:

- Giao tài sản là 01 cái sân xi măng trị giá 3.005.000 đồng; ngôi nhà ba gian có chái tôn trị giá 77.724.000 đồng và công trình vệ sinh trị giá 4.789.000 đồng, tổng giá trị tài sản là 85.518.000 đồng, xây dựng trên diện tích đất của bà Thân Thị Y tại khối C, phường Đ, thị xã Đ1, tỉnh Q cho bà Thân Thị Y sở hữu.

Buộc bà Thân Thị Y có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hoàng Thị L số tiền 29.304.000 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng*) và thanh toán cho ông Lê Hữu H số tiền 29.304.000 đồng (*Hai mươi chín triệu ba trăm lẻ bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ không chịu trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

- Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm không có giá ngạch và 1.465.208 đồng án phí chia tài sản, tổng cộng 1.765.208 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.550.000 đồng theo biên lai thu số 0008478 ngày 12/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn. Bà L còn phải nộp tiếp số tiền án phí là: 215.208 đồng (*Hai trăm mười lăm nghìn hai trăm lẻ tám đồng*).

- Ông Lê Hữu H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về cấp dưỡng và 1.465.208 đồng án phí sơ thẩm chia tài sản, tổng cộng ông H phải nộp là 1.765.208 đồng (*Một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm lẻ tám đồng*).

- Bà Thân Thị Y phải chịu 1.346.000 đồng. Bà Thân Thị Y được miễn nộp số tiền án phí trên.

5. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

- Ông Lê Hữu H không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 008621 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

- Bà Thân Thị Y không phải chịu. Hoàn trả lại cho bà Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 008622 ngày 09/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án DS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (Ngày 15/12/2017).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thị xã Điện Bàn;
- CCTHADS thị xã Điện Bàn;
- UBND P. Điện Nam Đông, tx Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cao Thị Huyền